

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12/5/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Huệ

2/ Ông Phạm Tuấn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đội 7, thị trấn nông trường T, huyện V, tỉnh Yên Bái

Có mặt.

2/ Bị đơn: Anh Lương Văn S, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã G, huyện B (nay là thôn M, xã T, thành phố L), tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn C, xã G, huyện B (nay là thôn C, xã T, thành phố L) tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/12/2019, bản tự khai ngày 31/12/2019 và các lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày: Chị và anh Lương Văn S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2012, không có đăng ký kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đến ngày 10/4/2014 chị và anh S đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì chị phát hiện anh S sử dụng ma túy nên chị đưa con và anh S về sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị ở thị trấn nông trường T, huyện V, tỉnh Yên Bái và tạo điều kiện cho anh S cai nghiện, cuối năm 2016 anh S lên Lào Cai đi làm thì bị bắt đưa đi cai nghiện chất ma túy, khi anh S đi cai nghiện chị vẫn lên thăm động viên anh, năm 2017 anh S được về địa phương trước thời hạn, sau khi về địa

phương anh S về sống cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ chị. Về địa phương được một thời gian ngắn anh lại tái nghiện, chị tham gia khuyên ngăn góp ý thì anh lại đánh chị, năm 2018 anh đi làm thuê xa nhà đến tết nguyên đán mới về, chị nói chuyện muốn ly hôn thì anh lại đánh chị. Khoảng mùng 7 tết nguyên đán năm 2019 anh S đi làm và đi luôn từ đó chị không biết anh S đi đâu làm gì và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019, trong thời gian sống ly thân chị không quan tâm thăm hỏi anh S, không liên lạc với anh S, anh S có gọi điện cho chị nhưng chị không nghe. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn S.

Về con chung: Chị Ngô Thị L trình bày chị và anh Lương Văn S có một con chung cháu Lương Trâm A, sinh ngày 12/11/2012, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Ngô Thị L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Văn S tại bản tự khai ngày 05/02/2020 và các lời trình bày tại Tòa án anh xác nhận đúng là anh và chị Ngô Thị L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2012, không có đăng ký kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đến ngày 10/4/2014 anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Năm 2015 anh về ở cùng gia đình nhà chị L tại Yên Bái, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, năm 2016 anh đi làm ở xã B do có sử dụng ma túy nên anh bị bắt đi cai nghiện với thời gian 15 tháng, năm 2017 anh được về địa phương trước thời hạn, sau khi về địa phương anh về ở cùng chị L tại nhà bố mẹ chị L ở Yên Bái, đầu năm 2019 anh đi Trung Quốc làm thuê đến cuối năm mới về. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn anh, xét thấy tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn có thể khắc phục được nên anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh Lương Văn S xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh có một con chung cháu Lương Trâm A, sinh ngày 12/11/2012 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng chị L. Anh không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Lương Văn S trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng anh có tạo dựng được một số tài sản chung, anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Lương Văn S xác nhận vợ chồng anh không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về việc lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 11/02/2020 cháu Lương Trâm A có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Ngô Thị L, lý do cháu muốn ở với mẹ vì bố cháu đi làm xa ít về, mẹ cháu là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu, nên cháu muốn được ở với mẹ cháu.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, các đương sự đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình, thu nhập cá nhân, bị đơn đã cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập cá nhân.

Đối với vụ án này Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị L và anh Lương Văn S là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh sách sử dụng ma túy và bị bắt đi cai nghiện tập trung, khi anh được về gia đình thì anh chị vẫn mâu thuẫn, do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019, chị L đã cung cấp chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình theo lời trình bày của mình là đúng sự thật, anh S cũng thừa nhận anh đi làm nên anh chị đã không sống cùng nhau từ đầu năm 2019, anh gọi điện chị không nghe máy, nên hai bên cũng không trò chuyện với nhau. Chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý vì theo anh tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vẫn có thể khắc phục được. Tuy nhiên anh không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị L ly hôn anh Lương Văn S.

[2]. Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Lương Văn S đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có một con chung là cháu Lương Trâm A, sinh ngày 12/11/2012. Tại phiên tòa anh và chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của các đương sự, công việc hiện nay của chị L là trồng trọt mức thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng, còn anh S là lao động tự do thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, cháu Lương Trâm A là con gái và từ khi anh chị sống ly thân thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và cháu cũng có nguyện vọng được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Trâm A và theo nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trâm A cho chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị L xác nhận anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Lương Văn S không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Lương Văn S đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình
Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Xử cho chị Ngô Thị L ly hôn với anh Lương Văn S.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Lương Trâm A, sinh ngày 12/11/2012 cho chị Ngô Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Lương Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0009796 ngày 31/12/2019. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- UBND xã Gia Phú;
- Đường sá (02);
- Chi cục THA dân sự BT;
- Lưu HS, TA, VP.

Phạm Thị Thu Hằng